TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2018
"V/v Ly hôn giữa bà H với ông R"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.
2. Ông Lê Văn Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1947, địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1948, địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn R tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1969 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Bà và ông R chung sống hạnh phúc đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về mặt tình cảm. Từ năm 1982 cho đến nay, bà và ông R không còn sống chung với nhau. Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà xin được ly hôn với ông R.

Trong thời gian chung sống, bà và ông R có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1973, Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1975 và Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm: 1976. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành, có thể tự lo cho bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết.

Bà và ông Nguyễn Văn R không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông R vẫn vắng mặt.

Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Huỳnh Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Văn R. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn R là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông R.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn R chung sống như vợ chồng từ năm 1969. Mặc dù, bà H và ông R không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa bà H và ông R được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, bà H cho rằng bà và ông R mâu thuẫn về mặt tình cảm, thời gian không chung sống đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông R. Tòa án đã triệu tập ông R đến để hòa giải, tìm biện pháp giải quyết nhưng ông R không đến.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà H và ông R đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H để giải quyết cho bà được ly hôn với ông R.

[3] Về con chung: Bà H và ông R có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1973, Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1975 và Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm: 1976. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai bà và ông R không có tài sản chung, không có nợ chung nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà R phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày

09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H. Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn R có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1973, Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1975 và Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm: 1976. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà Huỳnh Thị H khai bà và ông Nguyễn Văn R không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018737 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Bà Huỳnh Thị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện G và UBND xã B, huyện M;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân